

Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế (CSIS)

“Biển Đông và Châu Á - Thái Bình Dương trong thời kỳ quá độ”

Ngày 1 | Phiên 3

Hiebert: Phần tiếp theo chúng ta sẽ xem xét tầm quan trọng của Biển Đông trong bối cảnh tình hình khu vực đang thay đổi. Trong phần trước các diễn giả đã xem xét vấn đề này từ góc độ của Mỹ, Trung Quốc và ASEAN; lần này chúng ta sẽ đặt vấn đề trong một góc nhìn rộng hơn.

Chúng ta có ba diễn giả tuyệt vời tham gia hôm nay: ngay bên phải tôi là Tetsuo Kotani, nghiên cứu viên tại Viện Quan hệ Quốc tế Nhật Bản; bên phải anh là Amer Latif, chuyên viên khách mời thuộc Chương trình Chủ tịch Wadhvani về Nghiên cứu chính sách Mỹ-Ấn tại CSIS; và ở phía cuối xa là Đại sứ Stapleton Roy, ông (từng) nắm nhiều vai trò tại khu vực, trong đó có Đại sứ tại Trung Quốc, Indonesia và Singapore. Vậy chúng ta sẽ đi theo thứ tự các diễn giả đang ngồi và mong được nghe những lời bình luận từ [họ]. Cảm ơn.

Kotani: Cảm ơn về lời giới thiệu tốt đẹp. Tôi vừa từ Tokyo đến Washington sáng nay và tôi đã bỏ qua hầu hết các phiên hôm nay; thật không may là tôi đang bị mệt sau một chuyến bay dài nên để giữ cho mình tỉnh táo, tôi nghĩ tôi phải đưa ra vài lời bình luận có tính khiêu khích. Nhưng trước đó, tôi phải nói rằng tôi đến đây với tư cách cá nhân, không phải đại diện cho chính phủ Nhật hay Bộ Ngoại giao Nhật là cơ quan chủ quản của Viện chúng tôi.

Đầu tiên cho phép tôi làm rõ lợi ích của Nhật tại Biển Đông. Không cần phải nói thì các vị cũng biết là Nhật không phải là một bên yêu sách tại Biển Đông. Thực tế chúng tôi đã từ bỏ tất cả các yêu sách của mình [tại Biển Đông] sau Chiến tranh thế giới thứ II. Vậy nên chúng tôi không đứng về bên nào trong vấn đề tranh chấp lãnh thổ tại Biển Đông. Chúng tôi không can thiệp vào bất cứ tranh chấp lãnh thổ nào giữa các bên yêu sách [tại Biển Đông].

Vì vậy mối quan tâm chính của chúng tôi tại Biển Đông là tự do hàng hải và thương mại. Gần 70% khối lượng thương mại của Nhật – nhập khẩu và xuất khẩu – đi qua Biển Đông, đặc biệt là 80% lượng dầu nhập khẩu của Nhật đến từ Trung Đông qua khu vực Biển Đông. Do đó các tuyến đường thương mại tại Biển Đông rất quan

trọng đối với Nhật. Nhật tôn trọng chủ quyền của các quốc gia ven biển, và chúng tôi cũng tôn trọng các quyền chủ quyền trong vùng đặc quyền kinh tế của các quốc gia này. Nhưng chúng tôi cũng rất quan tâm, và rất lo ngại, về các quyền hàng hải của mình tại Biển Đông. Ví dụ, một số nước nói rằng các tàu chiến nước ngoài không thể thực hiện các hoạt động quân sự trong các vùng đặc quyền kinh tế và một số nước đòi hỏi phải thông báo trước hoặc có sự cho phép [của các nước này] đối với việc qua lại vô hại qua lãnh hải. Điều này đi ngược lại lợi ích của Nhật và chúng tôi không thể chấp nhận các yêu sách quá đáng này từ các quốc gia ven biển. Thực tế tôi đã gặp một số viên chức sứ quán Việt Nam tại Tokyo trước khi tôi đi và họ đã thông báo ngắn gọn cho tôi về Luật biển mới của Việt Nam. Họ nói rằng Điều 12, đoạn 2 tuyên bố rằng các tàu chiến nước ngoài phải thông báo trước về việc đi qua vùng lãnh hải của Việt Nam và chúng tôi không thể chấp nhận một điều luật như vậy vì đó là một sự xâm phạm đối với quyền qua lại vô hại. Tôi nghĩ chúng ta cần phải hiểu rằng các nước ven biển đang tranh cãi về vấn đề chủ quyền tại Biển Đông, nhưng đồng thời họ (các nước ven biển) cũng đang chia sẻ việc diễn giải Luật biển quốc tế theo một cách mà hạn chế tự do hàng hải [tại khu vực]. Như tôi đã nói, chúng tôi không đứng về bên nào trong các cuộc tranh chấp chủ quyền tại Biển Đông, nhưng chúng tôi phải lo ngại về các quyền hàng hải của mình.

Trong bối cảnh như vậy, mối quan ngại chính của chính phủ Nhật là quy tắc ứng xử [tại Biển Đông] COC sẽ như thế nào. Nếu có bất cứ một luật nào mà hạn chế tự do hàng hải nằm trong COC, đó sẽ đi ngược lại lợi ích của Nhật. Cho nên chúng tôi đang theo dõi sát sao các cuộc thảo luận giữa các bên yêu sách về COC. Mối lo ngại của quốc gia chúng tôi là nếu có một bộ quy tắc ứng xử hạn chế tự do hàng hải hoặc thậm chí đi ngược lại nội dung của Luật biển quốc tế mà có thể áp dụng cho cả khu vực biển Hoa Đông, đó sẽ là mối lo ngại lớn của chúng tôi.

Chúng tôi đang xem xét vấn đề Biển Đông một cách cẩn thận. Đây là các quan điểm cơ bản của giới học giả Nhật. Tôi cũng có những quan sát riêng của mình về vấn đề Biển Đông. Trước hết, tôi nghĩ chúng ta cần phải xem xét khía cạnh [liên quan đến an ninh] hạt nhân của vấn đề Biển Đông. Tất nhiên Biển Đông rất quan trọng trong việc đóng vai trò là nguồn cung năng lượng, hải sản. Tuy nhiên Trung Quốc hiện đang xây dựng căn cứ ... - tàu ngầm tên lửa đạn đạo ở [khu vực này]. Nếu Trung Quốc biến Biển Đông thành một khu vực cấm, dành riêng cho căn cứ quân sự của nước này, hắt cẳng lực lượng giám sát Mỹ, điều đó sẽ làm xói mòn uy thế của

biện pháp an ninh răn đe mở rộng của Mỹ nhằm bảo vệ Nhật, Hàn Quốc, Philippines và các nước bạn bè đồng minh của Mỹ tại Châu Á. Vì vậy tôi rất quan ngại về khía cạnh [an ninh] hạt nhân của vấn đề này. Tôi đang đề nghị với các chuyên gia và các quan chức chính phủ Nhật rằng Nhật cần xem xét tham gia với Mỹ thực hiện việc giám sát tại Biển Đông để theo dõi các hoạt động của tàu ngầm Trung Quốc trong khu vực này nhằm duy trì uy thế của biện pháp an ninh răn đe mở rộng của lực lượng Mỹ.

Một vấn đề khác nữa là, như tôi đã nói, mặc dù Nhật là một nước trung lập nhưng trong thời điểm chiến tranh, chúng tôi phải bảo vệ các quyền của mình như là một quốc gia trung lập. Nếu xung đột xảy ra giữa các bên yếu sách tại Biển Đông, ví dụ như giữa Trung Quốc và Philippines hoặc giữa Trung Quốc và Việt Nam, chúng tôi phải bảo vệ tàu thuyền của mình tại Biển Đông. Tôi đang kiến nghị với chính phủ Nhật là nếu có vấn đề gì xảy ra tại Biển Đông, tôi nghĩ chúng tôi phải đưa các tàu của Lực lượng Phòng vệ Nhật đến các vùng lân cận của các khu vực tranh chấp để bảo vệ tàu thuyền Nhật.

Cho phép tôi kết lại phần trình bày của mình với hai kiến nghị.

Một là – thực ra chúng tôi đã đưa ra kiến nghị này rồi – Thủ tướng của chúng tôi đã đề nghị thành lập Diễn đàn biển Đông Á tại Cấp cao Đông Á năm ngoái nhằm thảo luận các vấn đề an ninh biển một cách mở rộng. Như tôi đã nói, chúng tôi lo ngại về Biển Đông lẫn biển Hoa Đông, nên chúng ta cần một công thức chung để thảo luận các vấn đề biển nói chung tại Châu Á, không chỉ vấn đề Biển Đông mà cả biển Hoa Đông và biển Hoàng Hải nữa.

Một vấn đề khác nữa – cũng đã được chính phủ Nhật đề nghị gần 20 năm trước – là Bộ Quốc phòng Nhật đã đề nghị thành lập lực lượng Gìn giữ hòa bình trên biển vào những năm 1990. Ý tưởng chính là chia sẻ lực lượng tuần duyên gồm nhiều nước khác nhau trên các tàu tuần tra tại khu vực. Chúng ta sẽ đưa các viên chức lực lượng phòng duyên của các nước lên cùng một con thuyền để đi tuần tra chung tại khu vực tranh chấp. Trong cuộc xung đột Scarborough gần đây, cả Trung Quốc và Philippines đều cùng đưa tàu tuần tra đến [khu vực Scarborough] và điều này càng làm gia tăng căng thẳng; nếu chúng ta có thể đưa một chiếc tàu chở cả lực lượng tuần duyên Trung Quốc và Nhật đến tuần tra chung khu vực này, tình hình sẽ khác. Tại thời điểm những năm 1990, mọi người đều cười trước đề nghị này – nó có vẻ quá ngây thơ –

nhưng vào lúc này tôi nghĩ ý tưởng này nên được theo đuổi trong bối cảnh căng thẳng gia tăng tại khu vực. Cảm ơn rất nhiều.

Hiebert: Cảm ơn Kotani. Amer, xin mời.

Latif: Cảm ơn Murray vì đã mời tôi đến đây hôm nay, và trước khi bắt đầu tôi muốn nói một vài điều, rất nhanh thôi, về thủ tục: Bất cứ điều gì tôi nói ở đây hôm nay đều không phản ánh quan điểm của CSIS, Bộ Quốc phòng hay Chính phủ Mỹ.

Thứ hai, như nhiều người ở đây đã nhận ra, tôi hiện không phải là cựu Cố vấn An ninh Quốc gia của Ấn Độ nữa, cũng không phải là công dân Ấn Độ. Nhưng tôi sẽ cố gắng trình bày vấn đề, trong khoảng thời gian cho phép, tóm lược về một số suy nghĩ vấn đề của tôi về cách nhìn của Ấn Độ đối với vấn đề Biển Đông và mở rộng ra là lợi ích của Ấn Độ tại Biển Đông và cách nhìn của Ấn Độ đối với vai trò của Mỹ tại [khu vực này].

Bây giờ để giới hạn cuộc thảo luận một chút: Như các vị đã biết, tôi đã phát biểu về quan điểm của Ấn Độ tại Hội thảo này năm ngoái và tôi đã xem lại những ghi chép của mình tại Hội thảo đó và những gì tôi đã nói. Phần nhiều những gì tôi đã phát biểu lúc trước vẫn có thể áp dụng vào lúc này, một năm sau đó. Nhưng tôi nghĩ đối với Ấn Độ, bối cảnh Biển Đông đang thay đổi một chút bởi một vài sự kiện xảy ra kể từ Hội thảo năm ngoái tại CSIS. Ba diễn biến chính mà tôi nghĩ là tất cả các vị ngồi đây – những người theo dõi sát sao tình hình tại Biển Đông – đều nắm, tôi chỉ lặp lại: Tàu hải quân Ấn Độ Airavat, lúc đó vừa mới kết thúc một chuyến thăm cảng Việt Nam, theo tường thuật trên đường quay lại Ấn Độ đã bị Hải quân Trung Quốc gọi xét hỏi khi lực lượng PLAN đang tuần tra gần khu vực bờ biển Việt Nam. Trong khi Bộ Ngoại giao của cả hai nước cố tình không làm lớn chuyện này, đây cũng là sự việc được giới truyền thông Ấn Độ tập trung phân tích, đáp lại là một lượng lớn các cuộc phản đối, bài trừ Ấn Độ điên cuồng tại Trung Quốc. Sự kiện thứ hai diễn ra gần đây hơn khi công ty dầu Ấn Độ ONGC rút ra khỏi lô dầu 127, 128; vụ này được cho rằng xảy ra, hoặc thực sự xảy ra sau khi phía Trung Quốc đuổi công ty Ấn Độ ra khỏi khu vực. Tuy nhiên tôi đoán toàn bộ câu chuyện đằng sau đó thực ra phức tạp hơn: ONGC và chính phủ Ấn Độ dù sao cũng đang trên đường rút khỏi đó vì lô 127 và 128 không có tiềm năng về thương mại. Tiếp theo, gần đây hơn, trong vòng 3,5 tháng qua, đã có 4 tàu Ấn Độ được tàu hải quân Trung Quốc “hộ tống” khi đi qua khu vực này trên đường đến Thượng Hải để tham gia các hoạt động chung với Hải quân

Trung Quốc. Mỗi sự kiện này nếu nhìn riêng rẽ thì tôi không nghĩ chúng có ý nghĩa gì quan trọng để được xem như là tạo thành liên kết hoặc va chạm giữa Trung Quốc và Ấn Độ, nhưng nếu gộp chung thì chúng tạo ra thêm cơ sở để đánh giá cách Trung Quốc nhìn nhận sự can dự của Ấn Độ tại Biển Đông kể từ năm 2000 khi Trung Quốc bày tỏ sự phản đối đối với sự hiện diện của Ấn Độ tại Biển Đông với việc tập trận vào lúc đó.

Khi chúng ta nhìn vào lợi ích của Ấn Độ tại Biển Đông, tôi nghĩ tất cả chúng ta đều biết rằng Ấn Độ có một mối quan tâm lâu dài trong việc dính líu với khu vực này kể từ năm 400 A.D. khi các tàu buôn bán Ấn Độ đi qua khu vực này để đến Trung Quốc làm ăn và thậm chí là từ thời Vương quốc ... từ những năm 1100. Chuyển nhanh đến hiện tại khi chúng ta nhìn vào những mối liên kết thương mại giữa Ấn Độ, Đông Nam Á và Đông Á, các vị sẽ ngạc nhiên về tốc độ phát triển [của các liên kết này] trong vòng thập kỷ qua. Ngày này gần 50% khối lượng thương mại của Ấn Độ đi qua Biển Đông để đến các điểm tập kết tại Đông Nam Á và Đông Á. Khi nhìn vào khối lượng thương mại giữa Ấn Độ và ASEAN, các vị biết rằng năm 1990 khi nhìn vào thương mại Ấn Độ-ASEAN, khối lượng thương mại ở vào khoảng 2.4 tỉ USD; trong năm 2008-2009, ta có 44.6 tỉ USD thương mại và mục tiêu khao khát hiện nay là đạt khoảng 70 tỉ USD trong năm nay hoặc năm sau. Chưa kể đến Hiệp định thương mại tự do đã được ký năm 2009 là một cột mốc quan trọng. Vậy nên đối với Ấn Độ, Biển Đông đang ngày càng có liên hệ mật thiết đối với thịnh vượng kinh tế của Ấn Độ và do đó Biển Đông đang trở thành mối quan tâm then chốt đối với Ấn Độ.

Thứ hai, tôi nghĩ mối quan tâm của Ấn Độ tại Biển Đông xuất phát từ mong muốn của Ấn Độ đối với việc thúc đẩy Trung Quốc tôn trọng các quy phạm pháp luật quốc tế tại Biển Đông và đây (luật quốc tế) là khái niệm rất gần gũi với New Delhi bởi vì tranh chấp biên giới còn tồn tại giữa Ấn Độ với Trung Quốc sau hậu quả của cuộc chiến tranh giữa hai nước năm 1992. Tôi nghĩ cách mà Trung Quốc hành xử tại Biển Đông – liệu Trung Quốc có sẵn sàng tham gia vào một hình thức giải quyết tranh chấp dựa trên luật pháp quốc tế – sẽ là dấu hiệu làm Ấn Độ yên tâm hơn trong khi Ấn Độ cố gắng tìm biện pháp giải quyết tranh chấp lãnh thổ với Trung Quốc dọc theo biên giới [giữa hai nước]. Hành động ngày càng hung hăng của Trung Quốc tại Biển Đông có nguy cơ sẽ bị nhìn nhận một cách tiêu cực tại New Delhi trong khi Trung Quốc và Ấn Độ đang tìm cách dàn xếp tranh chấp lãnh thổ và đặc biệt là tranh

chấp dọc khu vực Arunachal Pradesh. Vì vậy Ấn Độ rất quan tâm đến việc Trung Quốc có tôn trọng một giải pháp được quốc tế thừa nhận [cho vấn đề Biển Đông].

Khi xem xét cách tiếp cận của Ấn Độ đối với Biển Đông, hiện nay chúng ta thấy rằng Bộ Ngoại giao (Ấn Độ) đã ra công bố về lập trường của mình rằng Ấn Độ ủng hộ tự do hàng hải phù hợp với luật quốc tế trong các khu vực biển quốc tế bao gồm Biển Đông.

Nhưng ngoài phạm vi đó, Ấn Độ chưa thể hiện rõ một lập trường bao quát đối với khu vực này. Nhưng ngoài các tuyên bố ngoại giao, khi nhìn vào cam kết của Ấn Độ đối với khu vực này, có thể thấy Ấn Độ đang tham gia tích cực vào việc xây dựng các quan hệ đối tác an ninh trên toàn khu vực. Hiện nay chúng ta đã thấy cam kết quân sự [giữa Ấn Độ] với Việt Nam, với Singapore, Nhật và gần đây là với Hàn Quốc. Phần lớn các cam kết về quốc phòng của Ấn Độ tại khu vực này tập trung vào các chuyến thăm cảng, các cuộc đối thoại quốc phòng cấp cao, và một số hợp tác về nâng cao năng lực trong các lĩnh vực còn khiếm khuyết. Dĩ nhiên đáng kể vẫn là hình thức hợp tác ba bên Mỹ-Nhật-Ấn có từ năm 2007 và đang ngày càng phát triển sâu hơn thông qua Đối thoại Châu Á mà cả ba bên cùng tham gia cũng như qua các cuộc tập trận hải quân chung tổ chức cách năm một lần kể từ năm 2007 – trừ năm 2011 không tổ chức do động đất tại Nhật.

Tuy nhiên điều quan trọng cần lưu ý là Ấn Độ đã luôn thận trọng trong việc định lượng cam kết của mình tại khu vực này: [Ấn Độ] không muốn tỏ ra quá khiêu khích trong quan hệ với Bắc Kinh. Dĩ nhiên đối với Ấn Độ, suy tính thận trọng và thực tế vẫn là: mặc dù Trung Quốc vẫn còn ngoan cố trong việc giải quyết tranh chấp biên giới với Ấn Độ và đang trở nên cứng rắn hơn trong cách hành xử tại khu vực biên giới Trung Quốc-Ấn Độ, Ấn Độ vẫn phải cân nhắc quan hệ thương mại với Trung Quốc – hiện đã trở thành quan hệ thương mại lớn nhất trong các mối quan hệ thương mại của Ấn Độ với các nước khác. Đối với người Ấn, đây là bài toán cân bằng giữa việc đương đầu với cái mà họ xem là sự khiêu khích từ phía Trung Quốc và đồng thời kiểm soát tình hình, không tỏ ra quá căng thẳng đối với Bắc Kinh.

Khi xem xét cách mà Ấn Độ nhìn nhận sự dính líu của Mỹ tại Biển Đông, tôi cho rằng New Delhi theo dõi rất sát sao quan hệ Mỹ-Trung và tôi nghĩ [Ấn Độ] rất ủng hộ nỗ lực của Mỹ nhằm làm cho Trung Quốc hành xử có trách nhiệm tại Biển Đông. Hai năm trước, sau bài phát biểu của Ngoại trưởng Hillary Clinton tại Diễn đàn khu

vực ASEAN, tôi tin rằng Ấn Độ đã thể hiện sự ủng hộ đối với các tuyên bố [của Clinton]. Ấn Độ đánh giá cao việc Mỹ đã có lập trường mạnh mẽ và theo đuổi lập trường kiên định đối với Bắc Kinh, nhưng đồng thời [New Delhi] cũng không muốn phát triển một quan hệ quá gây tranh cãi với Washington để dẫn tới xung đột [với Trung Quốc]. Vì vậy “cân bằng” đã trở thành một khẩu hiệu đối với Ấn Độ. Hiện nay, xem xét các cách mà Mỹ và Ấn Độ có thể hợp tác trong vấn đề Biển Đông, tôi nghĩ đến thời điểm này giữa hai bên đã có sự phối hợp khá tốt: chúng ta có Đối thoại Châu Á giữa Mỹ và Ấn Độ – đang được chủ trì bởi Kurt Campbell – là một cuộc đối thoại mở rộng về tất cả các vấn đề tại Châu Á. Đối thoại về vấn đề Biển Đông có thể là một việc mà Mỹ và Trung Quốc có thể tiến hành, và đang tiến hành. Nhưng ngoài ra, một vài hoạt động [hợp tác] đa phương trên biển có thể được tính đến, trong đó Mỹ và Ấn Độ có thể cùng xây dựng năng lực đối phó với thảm họa trên toàn bộ khu vực Biển Đông và có thể bao gồm và kêu gọi [sự tham gia của] Trung Quốc. Đây là một lĩnh vực có thể giúp xây dựng lòng tin giữa các cường quốc chính trong khu vực. Với mục tiêu đó, khi cân nhắc sự phối hợp giữa Mỹ và Ấn Độ, một trong những điều mà New Delhi phải tính toán là không gắn bó quá nhiều với Mỹ tại Biển Đông bởi vì tất nhiên điều đó có thể trở nên quá khiêu khích đối với Bắc Kinh. Vì vậy, trong chừng mực mà Mỹ có thể ủng hộ sáng kiến (của Ấn Độ) hoặc các sáng kiến do ASEAN đề xướng về [hợp tác] an ninh biển đa phương, tôi nghĩ New Delhi sẽ thấy dễ chịu hơn và Washington có thể nhận được sự ủng hộ [từ Ấn Độ]. Cho phép tôi dừng lại tại đây và [mong được nghe phản hồi từ quý vị].

Hiebert: Tuyệt, cảm ơn Amer. Mời Đại sứ Roy.

Roy: Cảm ơn Murray. Đây là lần thứ ba... hay thứ tư... hay thứ năm? thứ hai? Tôi đã đến một vài hội thảo về Biển Đông không do CSIS tổ chức, nhưng tôi đã đi rất nhiều, cả trong năm nay và năm ngoái, đến nỗi tôi bị ép phải thừa nhận một cách miễn cưỡng rằng đây đúng là một vấn đề [nóng]. Đây là một vấn đề đã được thảo luận một cách tường tận và tôi nghĩ sẽ là hữu ích nếu nhìn vấn đề này trong một bối cảnh rộng hơn, bởi vì đôi lúc tôi nghi ngờ rằng [vấn đề này] là sản phẩm tạo ra bởi các nhà khoa học chính trị và các giáo sư do nó kết nối rất nhiều vấn đề phức tạp và khó kiểm soát trong quan hệ quốc tế. Nó liên quan đến vấn đề cạnh tranh Trung-Mỹ – gây ra bởi sự trỗi dậy của Trung Quốc, và sự hiện diện có tính lịch sử và truyền thống của Mỹ như là một nhân tố an ninh tại khu vực Tây Thái Bình Dương – nên yếu tố này cũng xuất hiện [tại Biển Đông].

Nó cũng liên quan rất nhiều đến ASEAN, các nước Đông Nam Á, trong cả khía cạnh tích cực và tiêu cực, bởi vì chỉ có 4 trong số các thành viên ASEAN có liên quan đến các yêu sách tranh chấp tại Biển Đông. Điều đó có nghĩa là các nước Đông Nam Á đã rất hiệu quả trong việc tăng khả năng làm việc cùng nhau trong các vấn đề chung [mặc dù] không có lợi ích chung trong vấn đề Biển Đông. Họ có một vài lợi ích chung về khía cạnh ủng hộ hòa bình và ổn định, nhưng họ không có lợi ích (hoặc mối quan tâm) chung về mặt [quyết định] nên mạo hiểm đến đâu trong việc theo đuổi các yêu sách quốc gia [của mình]. Vậy có thêm sự phức tạp này.

Ở đây cũng có thêm một sự phức tạp thứ ba, dĩ nhiên, là các bên [liên quan khác], như chúng ta đã nghe đồng nghiệp Nhật Bản [vừa phát biểu] ở đây, [cũng] có các vấn đề căn bản tại Biển Đông: 1/3 vận chuyển thương mại biển của thế giới đi qua Biển Đông và trong hàng thế kỷ, [Biển Đông] thực chất đã là một con đường biển quốc tế không nằm dưới quyền tài phán-quản lý của bất cứ quốc gia nào. Nói cách khác, các nước đã có truyền thống sử dụng các vùng nước tại Biển Đông hàng thế kỷ qua cho các mục đích thương mại không hạn chế. Nó cũng liên quan đến câu hỏi về quan hệ giữa các nước được gọi là cường quốc và các nước quan trọng [nhưng] ít quyền lực hơn. Lịch sử đã dạy chúng ta rằng nhiều khi chiến tranh là kết quả của [tương tác] quan hệ giữa các cường quốc bị kéo vào các cuộc tranh chấp giữa các nước ít quyền lực hơn. Các vị có thể nhớ là Chiến tranh thế giới thứ nhất bắt đầu từ vùng Balkan và sau đó mở rộng ra bao gồm các nước lớn ở Châu Âu. Do đó có nguy cơ cuộc tranh chấp tại Biển Đông có thể biến từ tranh chấp giữa các nước nhỏ theo đuổi các yêu sách chủ quyền cụ thể của mình, từ đó lôi kéo lợi ích của các nước lớn hơn, khiến vấn đề vượt ra khỏi tầm kiểm soát của các nước nhỏ và khiến [các nước này] dính vào các cuộc xung đột mà họ ban đầu không có ý định dính líu đến. Điều này có rất nhiều hệ lụy mà chúng ta cần phải xem xét.

Ai đó đã nhận xét rằng người ta đang mong muốn Mỹ bằng cách này hay cách khác đảm nhận trách nhiệm [định hướng] hành vi của Trung Quốc tại Biển Đông. Đó là một khái niệm rất thú vị và tôi ngờ là người Trung Quốc sẽ có cách nhìn riêng của mình về vấn đề này. Nhưng nó cũng đặt ra câu hỏi là liệu Mỹ có nên chịu trách nhiệm về hành vi của các nước Đông Nam Á tại Biển Đông hay không? Nói cho cùng thì các nước Đông Nam Á cũng có khả năng tỏ ra khiêu khích không kém gì Trung Quốc; vậy nên nếu Mỹ không muốn thấy các hành vi khiêu khích, liệu Mỹ có nên chịu trách nhiệm trong việc tìm cách kiềm chế các hành vi khiêu khích? Tôi có

cảm giác là người dân Đông Nam Á sẽ có suy nghĩ riêng về vấn đề này. Dường như nhiều người nghĩ về câu hỏi này thường mong muốn Mỹ can dự [vào vấn đề này] bằng cách ủng hộ chứ không phải gây ảnh hưởng [bất lợi] đến lập trường của họ. Do đó [chúng ta] cần phải cân nhắc những nguyên tắc gì đằng sau can dự của Mỹ vào việc này.

[Biển Đông từng] không phải là vấn đề quá quan trọng trong nhiều năm qua; người ta biết rằng các tranh chấp về yêu sách bắt đầu xuất hiện từ vài thập kỷ trước và đã có những phỏng đoán về các nguồn tài nguyên tại Biển Đông và đây có thể là lý do kích động các nước đặt ra các yêu sách tại khu vực này nhưng không có gì nhiều xảy ra: đã có một giai đoạn căng thẳng trong những năm 1990, nhưng sau đó đã có một thời kỳ ngoại giao rất hiệu quả kể từ khi thập kỷ trước bắt đầu, kết thúc bằng Tuyên bố về Ứng xử của các bên tại Biển Đông và Quan hệ Đối tác chiến lược Trung Quốc-ASEAN và mọi thứ nhìn có vẻ ôn hòa trở lại.

Và bây giờ, đột nhiên chúng ta không chỉ thấy căng thẳng gia tăng trở lại tại khu vực mà Mỹ cũng đã tuyên bố có lợi ích căn bản về tự do hàng hải tại Biển Đông và Trung Quốc hoan nghênh sự can dự của chúng ta theo cùng cách mà người Canada đã hoan nghênh sự can dự của De Gaulle trong việc xử lý vấn đề Quebec mà họ đang phải đối phó [vào lúc đó]. Nói cách khác, vấn đề này đang trở nên vừa căng thẳng vừa phức tạp hơn. Nó không chỉ liên quan đến dầu mỏ và khí đốt, nó còn liên quan đến hoạt động đánh bắt cá – là vấn đề cơ bản đối với nhiều nền kinh tế của các nước khu vực – trong các vùng nước tranh chấp và điều này thực tế đã được thể hiện trong vụ Scarborough mà chúng ta đã thấy.

Ở đây chúng ta cần phải ghi nhớ một số điểm về bối cảnh của vấn đề, bởi vì phần lớn trong lịch sử hiện đại, đa số các nước khu vực sống nằm chế dưới các chế độ đô hộ và tất cả các bên có yêu sách về chủ quyền tại Biển Đông đều từng nằm dưới chế độ đô hộ. [Các chế độ đô hộ này] chỉ kết thúc trong giai đoạn 1946-1984, khi Brunei giành được độc lập; do đó khả năng của các nước khu vực trong việc đưa ra các yêu sách của mình là một diễn biến khá gần đây. Tuy nhiên lịch sử của khu vực này bắt nguồn từ rất lâu trước đó – đồng nghiệp của tôi ông Latif đã nhắc đến sự tham gia của Ấn Độ [vào khu vực này] kể từ năm 400 A. D. Và khi chúng ta nhìn vào lịch sử khu vực này, chúng ta khám phá ra rằng nhiều quốc gia dính líu tại Biển Đông trong một số trường hợp có những hồ sơ lịch sử rất chi tiết [về khu vực] cách đây hàng ngàn thế kỷ và trong một số trường hợp khác, họ lại không có hồ sơ [về khu vực] chỉ

trong một khoảng thời gian gần đây. Vậy làm sao chúng ta có thể xử lý các yêu sách mà một phần dựa trên khoảng cách gần gũi về địa lý và một phần lại dựa trên một lịch sử dính líu hàng thế kỷ với khu vực mà các nước khác đang yêu sách đòi hỏi [chủ] quyền bởi vì [các nước này] là các quốc gia ven biển ở gần khu vực đó nhưng lại không có hồ sơ lịch sử chi tiết để chứng minh lập luận của họ? Điều này khiến vấn đề trở nên rất khó giải quyết.

Mỹ tiếp cận câu hỏi này trên lập trường thông thường. Mỹ không đứng về bên nào trong các cuộc tranh chấp chủ quyền tại khu vực và chúng tôi đã thực hiện đúng điều này trong mọi trường hợp. Chúng tôi có một hiệp ước phòng thủ chung với Philippines, được áp dụng trong trường hợp xảy ra một cuộc tấn công bằng vũ lực trong khu vực Thái Bình Dương lên bất kỳ một trong hai bên, bao gồm tấn công lên các lực lượng vũ trang, tàu thuyền công cộng hay máy bay [của mỗi bên] tại Thái Bình Dương. Vì vậy câu hỏi là liệu chúng tôi có công nhận yêu sách của Philippines, ví dụ như trong trường hợp bãi cạn Scarborough, thực sự không liên quan, bởi vì hiệp ước an ninh áp dụng trong trường hợp xảy ra một cuộc tấn công lên tàu thuyền của Philippines. Vì vậy Mỹ không liên quan và không thể bị kéo vào [Scarborough] theo một cách nào đó và [điều này nghĩa là] chúng tôi không muốn bị kéo vào một cuộc xung đột vũ trang [và chịu trách nhiệm về việc] giám sát hành động của Philippines đối với yêu sách chủ quyền của họ trong khu vực này. Đây là một vấn đề hết sức phức tạp mà Mỹ không ở trong một tư thế dễ dàng [để giải quyết].

Chúng tôi đã thể hiện rõ ràng và kiên định lập trường của mình – mọi quốc gia đều muốn tuyên bố lập trường của mình, dĩ nhiên, [và] thể hiện [các lập trường đó] một cách rõ ràng và nhất quán. Chúng tôi kêu gọi sự kiềm chế, và một giải pháp ngoại giao [cho vấn đề Biển Đông]. Chúng tôi phản đối các hành động khiêu khích. Chúng tôi phản đối sự ép buộc; chúng tôi phản đối việc sử dụng vũ lực. Chúng tôi không đứng về bên nào trong các [tranh chấp về] yêu sách chủ quyền [tại Biển Đông] và chúng tôi muốn các cuộc tranh chấp được giải quyết một cách hòa bình, phù hợp với luật quốc tế. Đó là một tuyên bố rất hay, và đó là tuyên bố của Bộ trưởng Quốc phòng Panetta tại Hội nghị Shangri-La ít lâu trước ở Singapore và một số các vị có thể đã rất quen thuộc. Nhưng Mỹ vẫn chưa thông qua Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật biển – là bộ luật căn bản nhất áp dụng cho khu vực này. Vậy thì chúng ta đang kêu gọi sự tôn trọng đối với một luật lệ quốc tế mà chúng ta lại thất bại trong việc

thông qua – điều này đặt chúng ta vào một vị trí bất bình thường về thẩm quyền đạo lý đối với [việc giải quyết bài toán tại Biển Đông].

Thêm vào đó – và luật biển quốc tế không hoàn toàn làm sáng tỏ điều này, như các vị đã đề cập trước đó – Mỹ và Trung Quốc căn bản không thống nhất về [việc xác định] các hoạt động được cho phép trong vùng đặc quyền kinh tế, và điều này sẽ luôn luôn ảnh hưởng đến khả năng tìm ra một thỏa thuận làm hài lòng cả hai.

Bây giờ hãy quay trở lại với Tuyên bố về Ứng xử của các bên [tại Biển Đông], bởi vì chúng ta cần phải cụ thể. Đây không đơn giản là một thông cáo chung Mỹ-Trung mà – như nhiều người đã quên – là chưa bao giờ được ký; Tuyên bố về Ứng xử được ký bởi tất cả các bên [liên quan tại Biển Đông] – Trung Quốc và 10 nước ASEAN. Trong đó, họ đã khẳng định sự tôn trọng và cam kết đối với tự do hàng hải trong – và trên vùng trời – tại khu vực Biển Đông. Họ cam kết giải quyết các tranh chấp chủ quyền và quyền tài phán [tại Biển Đông] bằng biện pháp hòa bình, không sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực [mà] thông qua tham vấn và thương lượng thân thiện. Họ cam kết kiềm chế việc thực hiện các hành động có khả năng làm phức tạp hoặc leo thang tranh chấp, gây ảnh hưởng đến hòa bình và ổn định [trong khu vực]. Họ đồng ý tiếp tục nỗ lực trên cơ sở đồng thuận tiến tới việc thông qua một bộ quy tắc ứng xử tại Biển Đông. Mỗi đêm khi tôi đi ngủ, trước khi ngủ tôi đều đọc Tuyên bố về ứng xử này và tự thuyết phục mình rằng không thể có bất kỳ tranh chấp nào tại Biển Đông nếu các bên tham gia Tuyên bố này làm đúng theo những ngôn từ mà họ đã chính thức ký kết. Rõ ràng là có gì sai ở đây. Các bên tuyên bố tôn trọng các nguyên tắc mà họ [thực tế] không áp dụng trong cách ứng xử của mình, và đây không đơn giản là vấn đề về phía Trung Quốc mà là vấn đề của tất cả các bên tham gia ký kết Tuyên bố dưới dạng này hay dạng khác. Vậy nên khi tôi thức dậy vào buổi sáng, tôi nhận ra rằng tất cả đều chỉ là giấc mơ, rằng thực tế ở khu vực này đang có vấn đề và vấn đề đó bắt nguồn từ ứng xử của các nước mà một mặt thì có quan hệ rất thân thiện và đáng giá – nói cho cùng thì Trung Quốc là đối tác thương mại chính của tất cả các bên có liên quan đến tranh chấp hiện nay, bao gồm cả Nhật, Úc, Ấn Độ (quan hệ thương mại với Trung Quốc) cũng đang gia tăng, [mặc dù] mức độ vẫn còn kém xa các nước khác [như] Hàn Quốc, Đài Loan và một vài nước Đông Nam Á; tất cả đều muốn có quan hệ thân thiện với Trung Quốc và tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc là động lực tăng trưởng của toàn khu vực – không ai muốn các mối quan hệ này bị phá hủy. Nhưng đồng thời các nước lại bị thúc đẩy bởi các lợi ích hạn hẹp tại

Biển Đông, do đó cách thức hành động của họ không theo đúng như là văn bản mà chính họ đã ký, và điều này đang tạo ra căng thẳng trong khi [các bên] đã thống nhất không tạo ra căng thẳng. Họ đang thực hiện các hành vi khiêu khích; các vị có thể dẫn ra các hành động gần đây của CNOOC, nhưng Việt Nam cũng đã khoan dò dầu khí trong các vùng nước tranh chấp trong hàng thập niên – vấn đề này đã được đề cập khi tôi đến Trung Quốc và Trung Quốc rất thất vọng khi các công ty Mỹ tham gia vào các hợp đồng khoan dò dầu khí với Việt Nam. Philippines cũng đã và đang nói đến việc tiến hành các hoạt động thăm dò và khai thác tại bãi Cỏ Rong (Reed Bank). Nói cách khác, có rất nhiều nguy cơ có thể khiến vấn đề này trở nên mất kiểm soát.

Mỹ không thể đứng ngoài lề trong vấn đề này bởi vì chúng tôi có mối quan tâm rất lớn đối với tự do hàng hải tại Biển Đông và nó không chỉ liên quan đến yếu tố vận chuyển thương mại tại khu vực mà còn liên quan đến quyền qua lại của các tàu thuyền quân sự của chúng tôi ở Biển Đông để đến Ấn Độ Dương và các khu vực khác. Nhật cũng có những lợi ích riêng tại khu vực này. Do đó đây không phải là vấn đề mà chúng ta không thể đụng chạm đến. Nhưng có một yếu tố không rõ ràng trong lập trường của Mỹ hiện nay và cho phép tôi đề cập yếu tố này bởi vì chúng ta đang nói về việc Bộ trưởng Panetta đã rất thẳng thắn nói về vấn đề này tại Đối thoại Shangri-La rằng chúng tôi sắp sửa gia tăng sự hiện diện quân sự của Mỹ tại khu vực, chúng tôi sắp tìm cách đạt được quyền tiếp cận lớn hơn tại khu vực. Giới truyền thông hiểu sai và cho rằng chúng tôi đang theo đuổi việc (tái) thiết lập các căn cứ quân sự tại khu vực. Theo hiểu biết của tôi thì không có khả năng Mỹ sẽ tái thiết lập các căn cứ tại khu vực; không có nước nào trong khu vực muốn chứa căn cứ Mỹ cả. Cũng như các tàu Trung Quốc tham gia vào các hoạt động chống cướp biển tại Vịnh Aden cần quyền tiếp cận các tiện nghi trên bờ, tàu thuyền Mỹ hoạt động trong khu vực [Biển Đông] cũng cần có quyền tiếp cận các tiện nghi trên bờ và do đó theo lẽ tự nhiên Mỹ sẽ muốn gia tăng khả năng tiếp cận của mình [trong khu vực]. Nhưng liệu việc này có tạo ra các kỳ vọng [trong khu vực] và mục tiêu của Mỹ là gì? Ta hãy cùng xem xét một số khả năng cụ thể. Giả dụ rằng có xung đột vũ trang nổ ra giữa tàu hải quân Trung Quốc và tàu hải quân Philippines: Mỹ không thể đứng ngoài vì chúng ta có hiệp ước tương trợ quốc phòng Mỹ-Philippines; không cần biết là xung đột đó xảy ra ở bãi Scarborough hay Hawaii, hiệp ước quốc phòng giữa hai nước áp dụng cho Thái Bình Dương và đó là một khu vực rộng lớn.

Nhưng nếu Việt Nam và Trung Quốc dính vào một cuộc xung đột vũ trang thì sao? Mỹ có trách nhiệm gì ở đây không? Các tàu chiến của Mỹ sẽ làm gì trong các trường hợp đó? Hay nếu có vấn đề gì xảy ra giữa Malaysia và Việt Nam, các tàu quân sự Mỹ có thể đóng vai trò gì trong các cuộc đụng độ liên quan đến các tranh chấp về yêu sách chủ quyền giữa các nước tại Biển Đông mà Mỹ không có ràng buộc chính thức nào về quốc phòng? Vậy, chúng ta đang tạo ra các kỳ vọng rằng sự hiện diện của chúng ta sẽ giúp đem lại ổn định trong khu vực, nhưng sẽ ra sao nếu điều đó không phải là sự thực? Rồi nếu Mỹ không có hành động gì khi khủng hoảng xảy ra, có vẻ như Mỹ nhìn không đáng tin cậy nữa, nhưng thực tế Mỹ không có nghĩa vụ phải hành động [trong tình huống này] và chúng tôi cần làm rõ vấn đề này. Vậy là chúng ta đang gia tăng sự hiện diện quân sự của mình trong một khu vực mà không mà không có một hiểu biết rõ ràng về mục tiêu của lực lượng chúng ta ở đây và các hoạt động của Mỹ tại khu vực này là gì. Điều này có khả năng rất nguy hiểm. Đôi khi làm rõ ý định bạn sắp làm gì là nguy hiểm – tạo ra sự mơ hồ có thể sẽ tốt hơn, [nhưng] đôi khi tạo ra sự mơ hồ lại dẫn đến hiểu lầm – đây là lý do tại sao vấn đề này lại rất phức tạp.

Tại sao ngôn ngữ thể hiện trong Tuyên bố về Ứng xử [tại Biển Đông] lại quan trọng như vậy? Bởi vì nó thực sự không chỉ đòi hỏi các bên ký vào Tuyên bố mà còn phải hành xử một cách phù hợp với nội dung của bản Tuyên bố; nếu không thì không quan trọng là Mỹ có hùng mạnh như thế nào thì Mỹ cũng không có khả năng dùng sự hiện diện của mình tại khu vực để đóng góp và hòa bình và ổn định khu vực – một điều mà tất cả các quốc gia khu vực đều mong muốn. Đó là lý do tại sao vấn đề này cần được nghiên cứu trong các lớp học về khoa học chính trị và trong Bộ Ngoại giao của các nước, bởi vì nó bao gồm nhiều câu chuyện hết sức phức tạp và việc xem xét vấn đề này từ góc nhìn hạn hẹp về lợi ích của bất cứ một quốc gia cụ thể nào đơn giản là không giúp ích được gì trong việc tìm ra một con đường để đạt được lợi ích chung cho tất cả các nước, không để vấn đề [tranh chấp hiện nay] gây trở ngại cho quan hệ giữa các bên.

Vì vậy tôi nghĩ rằng có rất nhiều khả năng tình hình sẽ trở nên xấu đi tại Biển Đông, và cũng có rất nhiều khả năng tình hình có thể được dàn xếp để làm dịu căng thẳng, không để tranh chấp gây ảnh hưởng đến các lợi ích căn bản hơn của tất cả các nước liên quan đến vấn đề này, bởi vì rất khó để đi đến một kịch bản duy nhất có thể có lợi cho bất kỳ một bên tranh chấp nào nếu vấn đề này được giải quyết bằng con

đường xung đột. Tôi cho rằng Mỹ có thể đóng một vai trò tích cực [tại Biển Đông], nhưng Mỹ cần phải rất thận trọng để không tạo ra kỳ vọng rằng chúng ta có thể làm những việc mà chúng ta không ở trong vị trí thích hợp để làm – điều này có thể khiến tình hình càng xấu đi bởi vì yếu tố chính trị giữa các cường quốc mà tôi đã đề cập ở khúc đầu phần trình bày của mình. Cho phép tôi dừng lại tại đây.

Q: Cảm ơn. [Tên] từ Cơ quan Đánh giá Tin tức Trung Quốc. Câu hỏi của tôi dành cho Đại sứ Roy. Ông đề cập rằng vấn đề Biển Đông chỉ là vấn đề thứ yếu trong nhiều năm trước. Tôi nhớ năm ngoái Trợ lý Bộ trưởng Kurt Campbell đến CSIS và có bài phát biểu tại [đây], tôi đã đặt ra một câu hỏi tương tự và ông ta nói rằng vấn đề Biển Đông đã tồn tại trong một thời gian dài, đây không phải là một vấn đề mới. Nhưng vấn đề là tại sao vấn đề này hiện nay lại trở nên nóng như vậy? Theo cách nhìn và quan điểm của ông, lý do đằng sau việc này là gì? Và lúc này khi mà các vùng nước [ở Biển Đông] đã bị khuấy động, biện pháp nào là quan trọng nhất để các bên liên quan có thể thực hiện nhằm làm dịu [tình hình]? Cảm ơn.

Roy: Đó là một câu hỏi hay. Ngay từ đầu, nguy cơ dẫn đến các cuộc tranh chấp không quan trọng đã được ghi nhận từ các nguồn tài nguyên có khả năng tồn tại tại Biển Đông. Trong những năm gần đây, [sự hiện diện của] các nguồn tài nguyên này đã trở thành sự thực. Đã có các hoạt động khai thác dầu và khí đốt thành công tại Biển Đông và do đó mỗi quan tâm về lợi ích kinh tế của các nước liên quan tại Biển Đông đã trở nên sâu sắc hơn. Cho nên tôi nghĩ rằng yếu tố cơ bản nhất ở đây là nhu cầu riêng của các nước đối với việc đảm bảo rằng họ tiếp cận được các nguồn tài nguyên dầu và khí đốt tại Biển Đông, trong các khu vực gần kề với các nước này – đây là yếu tố thúc đẩy các nước đẩy mạnh các yêu sách của mình và trở nên quyết đoán hơn trong việc thiết lập một vị thế vững chắc trong việc trả lời các câu hỏi [liên quan đến yêu sách của mình]. Tôi cho rằng đó là yếu tố quan trọng nhất. Đây cũng là lĩnh vực mà Mỹ đang ở trong một vị thế bất tiện. Ví dụ như Trung Quốc đã đưa ra khái niệm gác bỏ tranh chấp và tham gia [vào các dự án] phát triển chung, vậy thì lập trường của Mỹ đối với vấn đề này là gì? Chúng ta có ủng hộ phát triển chung hay không? Chúng ta có sẵn sàng dùng ảnh hưởng của mình [để tác động tới] Philippines, Việt Nam, hay Brunei – là quốc gia mà tôi nghĩ là có sự đồng cảm về vấn đề phát triển chung với Trung Quốc – hay Malaysia? Thực ra tôi nghĩ Mỹ không có một lập trường nào về vấn đề này. Nhưng chúng ta sẽ tham gia vào vấn đề này bằng cách nào nếu như có một đề nghị mà có thể là một cách hợp lý để dàn xếp

[tranh chấp] nhưng chúng ta lại không biết lập trường của mình trong trường hợp này là gì? Điều này đưa chúng ta quay lại với một điểm mà tôi đã trình bày, đó là: Mỹ đã làm rõ một số cách tiếp cận của mình [đối với khu vực], nhưng có một số yếu tố vẫn chưa được làm sáng tỏ và điều này dẫn đến một số rắc rối tiềm ẩn gắn liền với nó.

Q: ...

Kotani: Đây là ý tưởng của tôi, nhưng tôi cũng đã thảo luận vấn đề này với một số quan chức chính phủ, các học giả và giới quân sự Mỹ. Chúng tôi đang thảo luận về tuần tra chung tại Biển Đông.

Q (Hasim Djalal): Cảm ơn. Tôi muốn đặt câu hỏi với ông Kotani và ông Latif. Vì lợi ích của [đất nước] các vị trong việc vận chuyển bằng đường biển và vận vận, liệu Nhật Bản và Ấn Độ có chuẩn bị sẵn sàng để tham dự vào các hoạt động an ninh và có thể là quân sự tại Biển Đông?

Latif: Tôi nghĩ từ góc độ của Ấn Độ, tôi cho rằng câu trả lời sẽ là không. Tôi cho rằng từ quan điểm của Ấn Độ, người Ấn nhìn mối quan hệ và các cuộc tập trận với Nhật và Mỹ như là một cách để phát triển năng lực hải quân của Ấn Độ, nhưng nếu tôi là một quan chức Ấn Độ đang tại nhiệm ngồi đây, đánh giá riêng của tôi là [các mối quan hệ và hoạt động tập trận này] không nhằm hướng đến sự chuẩn bị cho bất kỳ hành động quân sự nào tại Biển Đông – từ góc nhìn của Ấn Độ.

Kotani: Như tôi đã nói trong bài trình bày của mình, nếu như xung đột xảy ra tại Biển Đông và nếu như chúng tôi phải bảo vệ các tàu thuyền của mình như là một quốc gia trung lập, tôi nghĩ chính phủ Nhật sẽ cân nhắc việc này; ngoài trường hợp đó ra thì chúng tôi sẽ là một đối tác hiền lành với tất cả các nước trong khu vực Biển Đông.

Q (Nguyen Manh Hung): Xin chào. Câu hỏi của tôi dành cho Đại sứ Roy. Tôi cảm ơn ông rất nhiều về bài phát biểu thú vị nhưng cũng đồng thời gợi nhiều suy nghĩ, rõ ràng và sâu sắc. Câu hỏi của tôi là thế này: Tôi đã nghe vào buổi sáng nay ông nói về việc làm sao để quản lý các cuộc xung đột tại Biển Đông, về cách hành xử dựa trên luật pháp, về một bộ quy tắc ứng xử... nhưng tôi chưa nghe nói về một dạng hòa bình và ổn định dựa trên cân bằng quyền lực hợp lý, dựa trên một cấu trúc an ninh hợp lý [tại khu vực]. Ông có suy nghĩ nào về vấn đề này không? Cảm ơn.

Roy: Câu hỏi của ông liên quan đến việc liệu chúng tôi có suy nghĩ về một cấu trúc an ninh cho khu vực Biển Đông nhằm ngăn chặn khả năng xung đột? Hiện đang có một loạt các cơ chế nhằm giải quyết câu hỏi này, bao gồm cả trong chính ASEAN; thông qua các cơ chế đối thoại của ASEAN với nhiều bên khác nhau; thông qua Diễn đàn khu vực ASEAN – cơ chế cân nhắc vấn đề này thông qua các cuộc họp giữa Bộ trưởng các nước ASEAN và các nước đối tác của ASEAN đã được thể chế hóa (thành ADMM+) và đây là một diễn biến rất tích cực; thông qua Cấp cao Đông Á nơi mà tất cả các bên liên quan đều có mặt tại bàn hội nghị. Tôi chưa thấy một đề nghị cụ thể nào về một cấu trúc an ninh chính thức cho khu vực [Biển Đông]. Đó là một ý tưởng cần được phát triển, bàn bạc thêm và chúng ta sẽ phải xem xem các nước khác nhau cảm thấy như thế nào về một dàn xếp như vậy. Tôi không bắt đầu bằng việc ủng hộ hay phản bác ý tưởng này; tôi ủng hộ các biện pháp có thể giúp duy trì hòa bình và ổn định tại khu vực, bởi vì tôi cho rằng lợi ích của Mỹ và lợi ích của các nước trong khu vực sẽ được đáp ứng phần nhiều bởi sự duy trì hòa bình và ổn định tạo điều kiện cho tăng trưởng kinh tế ấn tượng của các nước trong thời gian qua. Ông đưa ra một ý tưởng rất thú vị nhưng tôi không có một câu trả lời cụ thể nào cho vấn đề này.

Q (Tran Trung Thuy): Tôi có một câu hỏi cho Đại sứ Roy và một câu hỏi cho Tetsuo. Đại sứ Roy nói rằng không chỉ Trung Quốc gây ra các hoạt động khiêu khích [tại Biển Đông] mà các nước Đông Nam Á cũng phạm vào điều này, nhưng làm cách nào để xác định hành động nào là khiêu khích? Thứ hai, ông đề cập việc CNOOC gần đây tuyên bố đấu thầu các lô dầu và khí đốt trong các khu vực tranh chấp và ông đổ lỗi cho Việt Nam trong một thời gian dài đã khai thác dầu tại các khu vực tranh chấp. Câu hỏi của tôi là đâu là các khu vực tranh chấp tại Biển Đông? Bởi vì theo quan điểm của tôi, các khu vực tranh chấp [tại Biển Đông] là một số hình thái địa chất tại quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và các vùng nước xung quanh đó theo như UNCLOS, nhưng khu vực mà Việt Nam khai thác [dầu và khí đốt] nằm trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, cũng giống như hoạt động khai thác dầu và khí đốt của Trung Quốc trong các vùng đặc quyền kinh tế [của Trung Quốc] gần khu vực đảo Hải Nam và đại lục.

Câu hỏi của tôi đối với Tetsuo là: Ông đề cập trong luật biên mới của Việt Nam có một điều khoản về qua lại vô hại của các tàu thuyền quân sự trong vùng lãnh hải của Việt Nam quy định rằng phải có thông báo trước khi tiến hành và anh cho là điều

này vi phạm UNCLOS. Anh có thể nói rõ hơn điều khoản nào của UNCLOS ngăn cấm các nước không được yêu cầu [các tàu thuyền quân sự] thông báo trước khi qua lại vùng biển của họ? bởi vì thông báo trước không có nghĩa là xin phép và đó chỉ nhằm duy trì tự do hàng hải, tránh gây hiểu lầm giữa các tàu quân sự đến từ các nước khác nhau. Cảm ơn.

Roy: Để tôi trả lời ngắn gọn câu hỏi của ngài rồi sau đó, thật không may là tôi phải đi. Tôi không còn là một nhà ngoại giao; tôi là một nhà ngoại giao đã nghỉ hưu và một trong những định nghĩa về một nhà ngoại giao là: đó là một người không bao giờ vô ý xúc phạm người khác. Nói cách khác, lời lẽ của ngoại giao là phải hiểu cách mà người khác nhìn vào hành vi của bạn. Cho nên quan hệ quốc tế hiệu quả là dựa trên việc liệu các chính phủ có khéo léo trong việc nhận thức được cái gì là hành vi khiêu khích hay không. Nếu họ thất bại trong việc nhận thức điều này hoặc nếu họ quá tập trung vào một mục đích nào đó đến nỗi họ luôn thấy đối phương là khiêu khích và không bao giờ hiểu được là hành vi của họ cũng có tính khiêu khích đối với bên còn lại thì quan hệ quốc tế hầu như không thể hoạt động. Tôi ngờ là tất cả các bên tại Biển Đông đều biết là khi nào họ đang tỏ ra khiêu khích, nhưng họ hành động một cách khiêu khích là bởi vì họ có những lợi ích mà họ cảm thấy cần phải bảo vệ. Và nếu quá trình này được cho phép vượt ra ngoài tầm kiểm soát, bạn sẽ có một vòng leo thang khủng hoảng; đó là lý do tại sao bạn lại cần phải kiềm chế các hành vi [khiêu khích] này. Vấn đề là... gần đây tôi vừa mới thăm cả Trung Quốc và Philippines cùng lúc và tôi nghe những câu chuyện rất khác nhau về việc bên nào đang tỏ ra khiêu khích, và có những người – mà tôi sẽ không nói là ai – nghĩ rằng Mỹ đang cố tình khuấy động các hành động khiêu khích [tại Biển Đông] bởi vì chúng tôi bằng cách nào đó có thể thu lợi từ sự thiếu hòa bình và ổn định tại Biển Đông, điều mà tôi cho rằng là hoàn toàn gây hiểu lầm. Tin hay không thì tùy nhưng một số người thực sự nghĩ như vậy. Vậy nên câu trả lời của tôi cho câu hỏi của ngài là các bên đều biết khi nào họ đang tỏ ra khiêu khích nhưng đằng sau đó còn nhiều yếu tố và khi những cái đầu khôn ngoan hơn bước vào cuộc chơi, họ nhận thức rằng tốt hơn là nên giảm bớt các hành động khiêu khích. Một trong những khía cạnh tốt, ví dụ, mà chưa được đề cập trong những lời nhận xét tại đây là thực tế rằng trong vụ việc ở bãi cạn Scarborough, chúng ta không thấy các tàu quân sự dính líu trực tiếp: Trong trường hợp của Trung Quốc, họ dùng tàu bảo vệ nghề cá của Bộ Nông nghiệp và tàu tuần tra của Cơ quan Quản lý biển nhà nước. Và trong vấn đề Sensaku-Diaoyu Dao (đảo Điếu Ngư) với Nhật Bản, ta thấy các có sự tham gia của các tàu tuần duyên vân vân thay vì

tàu hải quân can dự vào. Đó là một cách tốt để giữ cho các hành động khiêu khích không trở nên quá trực diện. Vì vậy tôi vẫn có hy vọng là các bên liên quan sẽ nhận thức được rằng họ cần phải giảm bớt các hành động khiêu khích bất kể là có lý do chính đáng như thế nào đi nữa để không làm tình hình trở nên xấu đi và vượt ra ngoài tầm kiểm soát. Cảm ơn.

Kotani: Cảm ơn. Nếu một nước có thể yêu cầu được thông báo trước về sự qua lại của các tàu nước ngoài, nước này có thể tận dụng việc đó để tăng cường các yêu sách tại một số khu vực nhất định. Chẳng hạn – đây có thể không phải là một ví dụ tốt nhưng lấy ví dụ nếu Trung Quốc nói rằng các tàu chiến nước ngoài cần phải thông báo trước khi đi qua các vùng lãnh hải của Trung Quốc và Trung Quốc áp dụng công thức này đối với Sensaku, việc này sẽ gây rắc rối cho Nhật Bản. Và như anh biết, nếu chúng tôi không thông báo về việc tàu chiến của mình đi qua vùng lãnh hải thuộc Sensaku, Trung Quốc có thể tuyên bố rằng Nhật đang vi phạm (nội) luật của Trung Quốc hoặc điều gì đó tương tự. Vì vậy nếu chúng tôi chấp nhận một điều khoản về thông báo hoặc xin phép trước như vậy, điều đó có thể bị sử dụng vào các mục đích khác; cho nên về mặt này, tôi nghĩ chúng ta nên bám vào cách diễn giải hiện nay đối với quyền qua lại vô hại. Miễn là chúng ta tôn trọng an ninh của các quốc gia ven biển, các tàu chiến nên được cho phép đi qua các vùng lãnh hải mà không cần sự thông báo nào.

Q: (Wu Shicun) Câu hỏi của tôi dành cho ông Kotani. Tôi vui mừng nghe ông nói rằng Nhật không đứng về bên nào trong vấn đề Biển Đông. Tuy nhiên, ông vừa nói rằng Nhật muốn tham gia cùng Mỹ giám sát các hoạt động của tàu ngầm Trung Quốc. Vậy tôi có thể nghĩ rằng “không đứng về bên nào trong vấn đề Biển Đông” chỉ là ngôn ngữ ngoại giao của ông và can dự vào Biển Đông là chính sách thực sự của Nhật không? Trong vụ đối đầu giữa Trung Quốc và Philippines tại bãi Hoàng Nham, chính phủ Nhật tuyên bố rằng Nhật sẽ bán hoặc tặng một số tàu chiến cho Philippines. Ông có cho rằng điều này sẽ có lợi cho hòa bình và ổn định tại Biển Đông? Cảm ơn.

Kotani: Chúng tôi đã tuyên bố là sẽ cung cấp 10 – không phải tàu chiến – chúng tôi sẽ cung cấp tàu tuần tra cho lực lượng tuần duyên Philippines trong những năm tới. Nhưng việc này không phải nhằm khiêu khích các nước khác mà dựa trên thảo luận [giữa hai bên] vào năm ngoái, không phải sau khi xảy ra xung đột... hay đối đầu tại Scarborough. Ý định của chúng tôi là giúp cung cấp [xây dựng khả năng phòng

vệ] cho các nước tại Biển Đông để họ có thể duy trì trật tự trên biển tại khu vực này. Chừng nào mà họ vẫn chưa có đủ năng lực (để duy trì trật tự tại Biển Đông), sẽ có những trường hợp mà Nhật cần phải đưa thuyền của chính Nhật Bản đến để bảo vệ tàu thuyền của mình. Lập trường cơ bản của chúng tôi là cung cấp năng lực cho các nước khác để họ có thể tự mình duy trì trật tự [tại khu vực].

Q: Cảm ơn. Tôi là Jay Park, chuyên viên nghiên cứu mời tại CSIS. Câu hỏi này có thể dành cho ông Kotani. Về vấn đề tự do hàng hải, tôi nghĩ rằng dường như có một sự đồng thuận giữa các quốc gia không có yêu sách tại Biển Đông, rằng mối quan tâm chính của các nước này không phải là vấn đề tranh chấp lãnh thổ mà là tự do hàng hải. Tuy nhiên đáp lại vấn đề này, Trung Quốc đã luôn duy trì... tôi nghĩ rằng trong phiên sáng nay chúng ta đã nghe rằng Trung Quốc... rằng [các quyền tự do hàng hải tại Biển Đông] chưa bao giờ bị đe dọa và [tình hình] tương đối ổn định. Đáp lại vấn đề này, một lần nữa, có một lập luận cho rằng vấn đề không phải là về các mối đe dọa thực sự hoặc sự xâm phạm thực sự; đây là vấn đề về sự lo sợ, hoặc e ngại, mà các tàu thuyền buôn bán hoặc người dân sẽ cảm thấy khi đi qua vùng biển này trong tương lai gần. Tôi băn khoăn không biết ông nghĩ gì về các lập luận này?

Kotani: Khi tôi thảo luận vấn đề này với các bạn Trung Quốc, người Trung Quốc không dùng từ “tự do hàng hải”. Họ dùng từ “qua lại tự do” tại Biển Đông. “Tự do qua lại” theo ý của họ thực ra là qua lại vô hại; họ nói rằng các tàu nước ngoài nên thực hiện việc qua lại vô hại trong vùng đặc quyền kinh tế của Trung Quốc và trong đường chín đoạn của Trung Quốc. Nhưng các bạn cũng biết là qua lại vô hại không có nghĩa là tự do – có những kiểm chế nhất định trong việc lái tàu. Rõ ràng là có sự khác biệt trong cách diễn giải của Trung Quốc và các nước khác về tự do hàng hải.

Q: ... Thực ra câu hỏi này tôi định dành cho Đại sứ Roy nhưng ông ấy không còn ở đây nên tôi sẽ trình bày nó như một nhận xét. Vị đại sứ của chúng ta đã nói về vai trò của Mỹ và đó là một bài trình bày tuyệt vời. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng cách suy nghĩ của ngài Đại sứ có một lỗ hổng mà nhiều người có thể bị mắc bẫy. Ngài Đại sứ đã nói về các tranh chấp giữa các quốc gia nhỏ có thể lôi kéo các cường quốc lớn vào vụ việc này. Tuy nhiên, hãy nhìn vào tình huống có một bên là một siêu cường và bên còn lại là một số quốc gia nhỏ và vấn đề là nằm ở đây, bởi vì nếu chúng ta có thứ gì đó để cân bằng siêu cường, chúng ta có thể có hòa bình và ổn định. Nhưng khi chúng ta có một bên là một nước rất mạnh – Trung Quốc là nền kinh tế lớn thứ hai thế giới hiện nay, rất hùng mạnh – và [một bên là] một số các anh chàng nhỏ bé... và

rõ ràng là trong thập kỷ vừa qua chúng ta cũng có thể thấy Trung Quốc tận dụng địa vị siêu cường của mình tại Biển Đông và điều đó cho thấy một thực tế là chúng ta cần phải nắm rõ [tình hình] để tìm ra cách đối phó với vấn đề này. Nếu Mỹ nói rằng “chúng tôi trung lập”, mọi người đều sẽ nói “chúng tôi trung lập”, và Trung Quốc sẽ tiếp tục thể hiện [sức mạnh của mình] và đối với các nước nhỏ như Việt Nam, đó là một mối đe dọa nghiêm trọng.

Latif: Tôi sẽ chỉ nói là từ góc độ New Dehli, theo quan sát của tôi thì các nước Đông Nam Á và Đông Á sẽ rất muốn được nhìn thấy Ấn Độ can dự nhiều hơn vào Đông Nam Á và Đông Á. Tôi nghĩ nếu đặt sự nhạy cảm của Trung Quốc sang một bên thì vẫn có những yếu tố hạn chế ngăn chúng tôi đảm nhận một vai trò lãnh đạo quyết đoán hơn tại Đông Nam Á và Châu Á nói chung. Ý tôi là có một số vấn đề: Thứ nhất, đó là vấn đề khả năng của chính phủ Ấn Độ. Tôi nghĩ Ấn Độ đang gặp vấn đề không chỉ về năng lực của bộ máy hành chính mà cả về năng lực của quân đội [Ấn Độ]. Bạn đang xét đến một lực lượng hải quân gồm 55,000 người; họ đang trong quá trình tái cơ cấu vốn đầu tư vào hải quân và cố gắng bổ sung thêm một số năng lực. Vì vậy khi bạn xem xét khả năng của Ấn Độ từ cả góc độ bộ máy chính quyền và góc độ quân sự, sẽ có rất nhiều việc mà Ấn Độ chỉ có thể làm trong tương lai. Một yếu tố khác mà tôi sẽ đưa ra là, như các bạn đã biết, trong nội bộ Ấn Độ, bởi vì phương thức dân chủ tại Ấn Độ, hiện nay cái mà chúng ta thấy là một chính phủ bị tê liệt về chính trị – đang thiếu vắng một bộ phận lãnh đạo kiên quyết tại New Delhi, và do đó quy trình chính trị rõ ràng đang tập trung hướng vào trong, vào một số vụ bê bối trong nước và việc này chiếm hết hoạt động hàng ngày của chính phủ. Do đó [người Ấn] chưa thực sự bỏ ra nhiều vốn trí tuệ để suy nghĩ về vị trí của Ấn Độ trong địa hạt rộng lớn Ấn Độ-Thái Bình Dương. Tôi không chắc là tình hình này sẽ trở nên khá hơn trong tương lai gần, bởi vì khi bạn nhìn vào các động lực chính trị trong lòng Ấn Độ hiện nay, bạn đang nhìn vào một bối cảnh mà trong đó các đảng phái chính trị địa phương với các lợi ích rất khác nhau có thể trở nên rất có sức ảnh hưởng, và không rõ là định hướng chính sách đối ngoại của các đảng này là gì hay cách suy nghĩ của họ đối với các vấn đề này là như thế nào. Do đó tôi nghĩ trong khi Châu Á muốn nhìn thấy Ấn Độ đóng một vai trò chủ động hơn trong các diễn đàn của ASEAN cũng như bên ngoài nói chung, tôi nghĩ New Delhi... dự đoán mà tôi sẽ đưa ra là New Delhi sẽ tiếp tục tham gia vào Biển Đông và Đông Nam Á trên cơ sở tùy từng trường hợp và đó là điều tốt nhất mà chúng ta có thể hy vọng trong tầm ngắn và trung hạn.

Hiebert: Được rồi, tôi muốn cảm ơn các diễn giả của chúng ta và hãy cùng tôi vỗ tay cho phần trình bày của họ.

Dịch: Thùy Trang

Hiệu đính: Lan Anh